

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2018/TT-BNV

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2018

THÔNG TƯ

**Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức
chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Nội vụ;*

*Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định mã số chức danh
nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.*

Điều 1. Mã số chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp

1. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) – Mã số: V.09.02.01;
2. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) – Mã số: V.09.02.02;
3. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) – Mã số: V.09.02.03;
4. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) – Mã số: V.09.02.04.

Điều 2. Mã số chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp

1. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I – Mã số: V.09.02.05;
2. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II – Mã số: V.09.02.06;
3. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III – Mã số: V.09.02.07;
4. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III – Mã số: V.09.02.08;
5. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV – Mã số: V.09.02.09.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.